

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀM THUẬN BẮC
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2021/DS-ST

Ngày: 30/9/2021

V/v tranh chấp về hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM THUẬN BẮC, TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Ngọc Diệu.

2. Bà Cao Thị Kim Yến.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

Ngày 30 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 100/2020/TLST-DS ngày 02/7/2021, về việc: “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2021/QĐXXST-DS ngày 27/8/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2021/QĐST-DS ngày 13/9/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị M, sinh năm 1975. (có mặt)

Địa chỉ: Thôn 6, xã HĐ, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

Bị đơn: Bà Ngô Thị B, sinh năm 1972. (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 3, xã HĐ, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

Người làm chứng:

1/ Anh Nguyễn Minh Q – Sinh năm 1983.

2/ Chị Phạm Thị Đ – Sinh năm 1995.

Cùng địa chỉ: Thôn 6, xã HĐ, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận. (Tất cả những người làm chứng vắng mặt – có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 22/6/2021, cũng như các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lê Thị M trình bày: Do quen biết và ở cùng xã nên ngày 12/11/2019, bà Ngô Thị B có vay của bà số tiền 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng). Khi vay chỉ có một mình bà B đến nhà nói vay về để bà B lo

xoay xở chuyện cá nhân, trả lãi những khoản nợ riêng của bà B. Bà có lập giấy mượn tiền do con rể bà (Nguyễn Minh Q – Sinh năm 1983, hiện ở cùng gia đình bà tại thôn 6, xã HĐ, huyện Hàm Thuận Bắc) viết, còn chữ ký “B” và họ tên “Ngô Thị B” là do bà B tự ký tên và ghi họ tên. Nội dung Giấy mượn tiền không ghi lãi suất và thời gian trả mà chỉ ghi “khi nào bà cần số tiền nói trên, thì bà báo trước cho bà B thời gian là 01 tháng”. Sau khi lập giấy mượn tiền thì bà đã giao đủ 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) tại nhà bà có sự chứng kiến của con gái (Phạm Thị Đ – Sinh năm 1995, sống cùng nhà với bà) và con rể bà (Nguyễn Minh Q). Sau khi ăn Tết âm lịch 2021 khoảng 2 tháng (khoảng giữa tháng 4/2021 dương lịch) bà đến gặp bà B để yêu cầu bà B trả tiền. Khi bà đến đòi thì bà B nói chưa có tiền chờ có tiền bà B sẽ trả, nhưng bà B cứ hứa hẹn mãi, bà nhiều lần đến gặp, gọi điện nhưng bà B cứ thách thức, không chịu trả tiền cho bà. Bà xác định chỉ cho một mình bà B vay tiền. Nay bà yêu cầu bà Ngô Thị B trả cho bà số tiền vay là 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng), không yêu cầu trả lãi.

Bị đơn bà Ngô Thị B vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử nên Tòa án không thể tiến hành các thủ tục tố tụng như lập biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà Lê Thị M yêu cầu bị đơn bà Ngô Thị B phải trả cho bà số tiền đã vay. Đây là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản. Bị đơn trú tại thôn 3, xã HĐ, huyện Hàm Thuận Bắc, theo quy định tại Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Ngô Thị B đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định của pháp luật nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung: Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị M vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền vay là 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng), không yêu cầu trả lãi.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy: Ngày 12/11/2019, giữa nguyên đơn và bị đơn có xác lập “Giấy mượn tiền” do con rể bà Mười (Nguyễn Minh Q – Sinh năm 1983, hiện ở cùng gia đình bà Mười tại thôn 6, xã HĐ, huyện Hàm Thuận Bắc) viết, còn chữ ký “Bối” và họ tên “Ngô Thị B” là do bà B tự ký tên và ghi họ tên. Nội dung Giấy mượn tiền thể hiện, nguyên đơn cho bị đơn mượn (vay) số tiền 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng), không thỏa thuận lãi, thời gian trả là “khi nào bà Mười cần lấy lại số tiền nói trên, thì bà báo trước cho bà B 01 tháng”. Sau khi ăn Tết âm lịch 2021 khoảng 2 tháng (khoảng giữa tháng 4/2021 dương lịch) bà Mười đến gặp bà B để yêu cầu bà B trả tiền. Khi bà đến đòi thì bà B nói chưa có tiền chờ có tiền bà B sẽ trả, nhưng bà B cứ hứa hẹn mãi, bà nhiều lần đến gặp, gọi điện nhưng bà B cứ thách thức, không chịu trả tiền cho bà nên bà mới có đơn khởi kiện đến Tòa án. Nay bà yêu cầu bà Ngô Thị B trả cho bà số tiền vay là 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng), không yêu cầu trả lãi.

Xét về mục đích số tiền vay và nghĩa vụ trả nợ, nguyên đơn bà Lê Thị M khai khi vay chỉ có một mình bà B đến nhà vay, bà B nói mục đích vay về để bà B lo xoay xở chuyện cá nhân, trả lãi những khoản nợ riêng của bà B, không liên quan gì đến chồng bà B, cũng không dùng để chi trả vào nhu cầu thiết yếu của gia đình bà B. Sau khi lập Giấy mượn tiền thì bà Lê Thị M đã giao đủ 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) cho bà B tại nhà bà Mười có sự chứng kiến của con gái (Phạm Thị Đ) và con rể bà Mười (Nguyễn Minh Q). Bà xác định chỉ cho một mình bà B vay tiền, không liên quan gì đến chồng của bà B. Hơn nữa Giấy mượn tiền đề ngày 12/11/2019 cũng chỉ do một mình bà B ký tên và ghi họ tên. Do đó bà chỉ yêu cầu một mình bà Ngô Thị B phải trả nợ cho bà. Nhận thấy, yêu cầu của bà Mười chỉ yêu cầu bà Ngô Thị B phải trả nợ cho bà là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật nên chấp nhận.

Xét lời khai của người làm chứng anh Nguyễn Minh Q và chị Phạm Thị Đ hoàn toàn phù hợp với lời trình bày của bà Lê Thị M. Theo đó, anh Quốc thừa nhận “Giấy mượn tiền” ngày 12/11/2019 là do anh viết, còn chữ ký tên và ghi họ tên là do bà Ngô Thị B tự ký. Anh Quốc và chị Đê cùng xác nhận sau khi lập Giấy mượn tiền này thì bà Lê Thị M đã giao đủ số tiền 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) cho bà B tại nhà bà Mười có sự chứng kiến của anh Quốc và chị Đê.

Sau khi Tòa thụ lý giải quyết vụ án đã tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án đến cho bà Ngô Thị B nhưng bà B cố tình lẩn tránh, vắng mặt không có lý do, không đến Tòa để trình bày ý kiến. Nên căn cứ vào Giấy mượn tiền đề ngày 12/11/2019 đã được bà B xác nhận về số tiền nợ và thời gian trả nợ. Bà Ngô Thị B

đã không thực hiện đúng cam kết đã ký là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo thỏa thuận. Bà Ngô Thị B không đến Tòa trình bày ý kiến là tự từ bỏ quyền chứng minh của mình nên phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng Dân sự. Do đó, nguyên đơn bà Lê Thị M yêu cầu bị đơn bà Ngô Thị B phải trả số tiền nợ vay là 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng), không yêu cầu trả lãi, là hoàn toàn có căn cứ để chấp nhận.

[4] Về án phí: Nguyên đơn bà Lê Thị M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà Lê Thị M số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp. Bị đơn bà Ngô Thị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463; Điều 466, Điều 357 Bộ luật Dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị M.

Buộc bà Ngô Thị B phải trả cho bà Lê Thị M số tiền vay còn nợ là 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng).

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí:

Bà Lê Thị M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà Lê Thị M số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 750.000đ (bảy trăm năm

mười nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001853 ngày 30/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

Bà Ngô Thị B phải chịu 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, tính kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 30/9/2021). Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại địa phương.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện Hàm Thuận Bắc;
- Chi cục THADS huyện HTB;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Huyền

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Ngọc Diệu

Cao Thị Kim Yến

Nguyễn Thị Thanh Huyền

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện Hàm Thuận Bắc;
- Chi cục THADS huyện Hàm Thuận Bắc;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Huyền

